

Cần Thơ, ngày 09 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Cần Thơ

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Đông Dương công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1 Tên tổ chức : Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Đông Dương.

Giấy chứng nhận doanh nghiệp số: 1801058317

Địa chỉ: Số 91A/48, Nguyễn Đệ, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ.

Mã số thuế: 1801058317

Người đại diện theo pháp luật: Dương Văn Hải.

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913.771803

Email: duongvanhai68@gmail.com.

Website: <https://tuvanxaydungdongduong.com>

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình.

Địa chỉ: Số 268, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ

Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Trí Tuệ.

Điện thoại: 0979 829809.

Mã số phòng thí nghiệm đã được cấp: LAS-XD 566

1.3 Thông tin về trạm thí nghiệm hiện trường:

A, Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ cho gói thầu xây lắp số 1: Xây dựng cầu và đường Nguyễn Chí Thanh thí nghiệm, quan trắc công trình; đảm bảo giao thông trong quá trình thi công và dự phòng phí thuộc dự án: Cầu và đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Vị Thanh

Điện thoại: 0913.771803.

Địa điểm: Đường số 1, KDC 586, Phường Vị Thanh, Thành phố Cần Thơ

B, Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ cho: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1), Gói thầu: Cung cấp vật tư, thiết bị và nhân lực để thi công san lấp mặt bằng lô 10

Điện thoại: 0979 829809.

Địa điểm: Số 222 Quốc lộ 80, xã Vĩnh Trinh, Thành phố Cần Thơ

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị:

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
	XI MĂNG		
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003	Bộ kim Vika, khuôn Le Chatelier, sàng độ mịn xi măng 0.09mm, 0.045mm bình tỷ trọng, tủ sấy, khuôn 40x40x160mm, bộ gá uốn, nén mẫu, bộ đo dẫn nở, máy trộn, bàn dẫn, thùng hấp mẫu, Lò nung áp suất, khuôn, chày đầm, thanh đo chuẩn, cân kỹ thuật và các thiết bị, dụng cụ khác
2	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011	
3	Xi măng – phương pháp xác định thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	
5	Xác định độ nở sunphat	TCVN 6068:04, TCVN 7713:07	
6	Xác định giới hạn bền nén theo PP nhanh	TCVN 3736:1987	
7	Độ nở autoclave	TCVN 8877:2011	
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẴNG		
8	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382-2012; Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998 TCVN 10306:2014	Máy nén mẫu TYA-2000, cân đồng hồ 100 kg, cân điện tử 30 kg 0.5, cân điện tử 6 kg, 0.1, cân điện tử 3 kg, 0.01, cân điện tử 300 g, 0.001, tủ sấy, thiết bị xác định độ sụt, Máy thử thấm, Máy mài mòn, bàn rung, khuôn, thùng đông, máy thử hàm
9	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022	
10	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	
11	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	
12	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	
13	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	

14	Xác định cường độ giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022	lượng bột khí, máy đo độ PH và các dụng cụ, thiết bị khác
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	
16	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	
17	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:93	
18	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93	
19	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93	
20	Xác định độ co ngót	TCVN 3117:2022	
21	Xác định độ PH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012	Máy nén 2000 KN, Bộ sàng phân tích TPH của cốt liệu: 70, 60, 50,40,20,5,2.5,1.15,0.63,0.315,0.15, 0.075, cân điện tử 30Kg, 6kg,3kg, 600g,300g, tủ sấy 300° C,phễu, thùng đóng, thước kẹp, bộ khuôn nén đập, máy Los, máy khoan mẫu, hóa chất và các dụng cụ, thiết bị khác
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
22	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	
23	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN:7572-5:2006	
25	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006	
26	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	
27	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	
28	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572:9:2006	
29	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	
30	Xác định nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	
31	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	
32	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	
33	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	
34	Xác định hàm lượng clo	TCVN 7572-15:2006	
35	Xác định khả năng phản ứng kiềm, si lic	TCVN 7572-14:2006	
36	Xác định hàm lượng sunfat, sufrit	TCVN 7572-16:2006	
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		Thiết bị xác định giới hạn chảy
37	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	
38	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012	

39	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Cassagrande, ống đong, bình tỷ trọng, tỷ trọng kế, hộp nhôm, dao vòng, cân, tủ sấy, bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn, cải tiến, thiết bị CBR, bình hút chân không, các dụng cụ, thiết bị khác.
40	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	
42	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:2012	
44	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00 TCVN 8723:2012	
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
45	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng PP dao đai	22TCN 02-1971 TCVN 8729:2012, TCVN 12791:2020	Dao đai, cân điện tử 6kg, 0.1, cân điện tử 3 kg 0.1, tủ sấy, khay, cốc..
46	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất, đá trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006	Thiết bị rót cát, cân điện tử 30kg, cân điện tử 3kg, 0.1, tủ sấy
47	Độ chặt đầm nén	TCVN 12790:2020	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn, cải tiến, hộp nhôm, cân, tủ sấy
48	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011	Thước 3m
49	Phương pháp thử nghiệm xác định môđul đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011	Tấm ép cứng D76cm, kích thủy lực 30T, đồng hồ đo lún 0.01mm
50	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkenman	TCVN 8867:2011	Cần đo vòng Benkenman, kích thủy lực 30T, đồng hồ đo lún 0.01mm Ống đong cát, bàn xoa, thước dài và cân điện tử 3kg, 0.1 Tấm nén, kích thủy lực 30T, đồng hồ đo lún 0.01mm hệ thống neo và chất tải Kích thử tĩnh 200T, dầm, đồng hồ đo biến dạng 0.01mm (4 cái) Máy đo điện trở nổi đất điện tử Kích thủy lực 30T, thanh gối tựa, thanh truyền lực, thước đo
51	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011	
52	Phương pháp xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng.	TCVN 9354:2012	
53	Cọc – phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012	
54	Kiểm tra điện trở bộ phận nổi đất	TCVN 9385:2012	
55	Kiểm tra ống Bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012	

			vết nứt, các dụng cụ, thiết bị khác
56	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:11, ASTM D4429:92	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường(khung, vòng lực 50KN, đồng hồ chuyển vị 0.01mm..)
57	Thí nghiệm lực nhổ bu long, thép, vít cấy neo trong bê tông	TCVN 9490:12, ASTM C900:01, ASTM D4435	Bộ kích nhổ hiện trường(kích thủy lực 30T và phụ kiện)
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
58	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	
59	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bình đong, cân điện tử kỹ thuật 30kg, 6kg, 3kg, bàn dằn, máy hút chân không, đồng hồ bấm giây, bộ khuôn uốn, nén vữa, máy nén, các dụng cụ, thiết bị khác
60	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	
61	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	
62	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	
63	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	
64	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	
65	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
66	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6335-1:2009	Tủ sấy, cân, thước, máy nén gạch 30 T, các dụng cụ, thiết bị khác
67	Xác định cường độ nén	TCVN 6335-2:2009	
68	xác định cường độ uốn	TCVN 6335-3:2009	
69	Xác định độ hút nước	TCVN 6335-4:2009	
70	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6335-5:2009	
71	Xác định độ rỗng	TCVN 6335-6:2009	
	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
72	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999	Tủ sấy, cân, thước, máy nén gạch, máy mài mòn, các dụng cụ, thiết bị khác
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
73	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường độ nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút	TCVN 6477:2016	Tủ sấy, cân, thước, máy nén gạch, thiết bị thí nghiệm thấm, các

	nước		dụng cụ, thiết bị khác
	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG		
74	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014, ASTM A615-09	Máy kéo thép điện tử 1000KN, Máy kéo cáp điện tử 1000KN, cân điện tử 6kg, 0.1, thước, thước cặp, bộ ngàm kéo bu long từ D8-D32, đai ốc, bộ ngàm đo lực cắt bu long kích 50T, khung nén, đồng hồ đo chuyển vị điện tử 0.01mm, Cle đo lực xiết 1000Nm, thước cặp điện tử 0.01mm, hóa chất các dụng cụ, thiết bị khác
75	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008, ASTM A615-09	
76	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	
77	Kiểm tra chất lượng hàn ống – thử nén dẹt	TCVN 5402:1991, TCVN 1830:08	
78	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	
79	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 197”14, TCVN 6284:1997 22 TCN 267:2000 ASTM A416; ASTM A370	
80	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu long, lực xiết bu long	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; ASTM A370; AASHTO T68	
81	Thí nghiệm mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đỡ, ống thép, thép bản, thép hình, thép lưới, nhôm, tôn lợp mái	TCVN 197-1:2014, TCVN 1916:1995, TCVN 8163:2009, TCVN 5709:2009benbende	
82	Thí nghiệm hộp nhôm, thanh nhôm định hình	TCVN 197:14, TCXDVN 330:04, TCVN 7451:04, ASTM A370, ...	
83	Thử nghiệm sức chịu tải của tấm ốp nhôm, lưới thép, song chắn rác, nắp hố ga, tôn xốp	TCVN 9391:2012, ASTM A370, ASTM E1251, TCVN 10333:2016	
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
84	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011, TCVN 13567-1:2022	Máy Marshall, máy quay li tâm, cân điện tử 30kg, 6kg, 3kg, 300g, máy hút chân không, bộ đầm mẫu + khuôn, máy khoan mẫu, tủ sấy 300 độ C, thước, bộ sàng phân tích thành phần hạt cốt liệu, các dụng cụ, thiết bị khác
85	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	
86	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	
87	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	
88	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	
89	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	
90	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	
91	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	

92	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	
93	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	
94	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	
95	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	
96	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
97	Bitum – Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	-Thiết bị chính: Máy xác định kim lún, kéo dài, hóa mềm, bắt lửa, tỷ trọng kế, máy thử hàm lượng Parapin, nhiệt kế, -Các dụng cụ, thiết bị khác
98	Bitum – Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	
99	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005	
100	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	
101	Xác định tỷ lệ kim lún khi đun ở 163 °C trong 5h.	TCVN 7495:2005	
102	Xác định nhựa hòa tan trong tricloretylen	TCVN 7500:2005	
103	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005	
104	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	
105	Xác định hàm lượng Parapin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05, DIN 52015, TCVN 8818-4:2011	
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN		
106	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012	Tủ sấy 300 độ C, cân 600g,0.01, sàng, máy hút chân không, bình tỷ trọng, thiết bị thử giới hạn chảy dẻo các dụng cụ, thiết bị khác
107	Thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	
108	Chỉ số dẻo của bột khoáng nghiền từ đá	TCVN 4197:2012	
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
109	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Cân điện tử 6kg, 0.1, tủ sấy 300 độ C, máy mài mòn gạch, máy thử uốn nén và các dụng cụ, thiết bị khác
110	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	
111	Xác định độ hút nước	TCVN 6065 1995	
112	Xác định lực xung kích	TCVN 6065:1995	
113	Lực uốn gãy	TCVN 6065:1995	
114	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	
	THỬ GẠCH LÁT GRANITO	TCVN 6074:1995	
	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		

115	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011	Bộ Máy thí nghiệm vải địa kỹ thuật: Máy đa năng DW-100KN(thử cường độ vải, thử kéo giật, xé rách hình thang, CBR, xuyên thủng thanh), 0.01, cân điện tử 600g, 0.01, bộ đo chiều dày vải, máy kháng bức công suất 60 kg/cm ² , máy rơi côn, hạt thủy tinh và sàng đo kích thước lỗ, máy thử thấm vải địa với cột áp 100mm, 50mm và các dụng cụ, thiết bị khác
116	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011	
117	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011	
118	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011	
119	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011	
120	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011	
121	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010	
122	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09	
123	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09	
	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO		
124	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Cân điện tử 0.1, tủ sấy 300 độ C, máy mài mòn gạch, máy thử uốn nén và các dụng cụ, thiết bị khác
125	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995	
126	Độ bền uốn, MPa	TCVN 6355-2:2009	
127	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005	
	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP, LÁT		
128	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; Xác định độ bền va đập; Xác định độ bền mài mòn.	TCVN 6415:2016	Cân điện tử 0.1, tủ sấy 300 độ C, máy mài mòn gạch men, máy thử uốn nén và các dụng cụ, thiết bị khác
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (AAC), BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP		
129	Sai lệch kích thước, Khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Độ co khô	TCVN 7959:2011 TCVN 9030: 2011	Máy nén 300KN, cân điện tử 0.1, tủ sấy 300 độ C, thước cặp điện tử 0.01mm, thước đo vuông góc và các dụng cụ, thiết bị khác
130	Độ vuông góc	TCVN 6415-2:2005	
131	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:2007	
132	Độ hút nước	TCVN 3113:1993	
	THÍ NGHIỆM BENTONITE		

133	Xác định tỷ lệ chất keo	TCVN 11893:2017	Bộ thiết bị thí nghiệm Bentonite(Cân tỷ trọng, thước cặp điện tử, phễu Marsh, Ống đong 1000 mL, Bộ dụng cụ Shearometer, bình đo hàm lượng cát, đồng hồ bấm giây, máy ép công suất, cốc chứa, giấy lọc) và các dụng cụ, thiết bị khác
134	Xác định độ dày áo của sét	TCVN 11893:2017	
135	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017	
136	Xác định tính ổn định	TCVN 11893:2017	
137	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017	
138	Xác định Độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017	
139	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017	
140	Xác định lượng mất nước	TCVN 11893:2017	
141	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017	
	THÍ NGHIỆM DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG, ỐNG ĐIỆN DÂN DỤNG		
142	Xác định kích thước hình học, độ dẫn điện, độ an toàn điện, cường độ và độ giãn dài lõi, vỏ dây	TCVN 5935:95, IEC 60227	Bộ thiết bị thí nghiệm điện(máy đo điện trở dây dẫn, Máy đo điện trở cách điện, thước cặp điện tử, máy kéo điện tử WD-100) và các dụng cụ, thiết bị khác
143	Đường kính tổng thể, chiều dày cách điện	TCVN 2103:1994	
144	Đường kính sợi đồng, ứng suất kéo đứt, và độ giãn dài tương đối cách điện	TCVN 5064:1994/SDD1:95	
145	THỬ CƠ LÝ ỐNG NHỰA PVC, uPVC, PPR, HDPE, PE và phụ kiện ống, tấm nhựa mica		
146	Khả năng chịu nén ở 110 độ C, 60 phút Độ cứng vòng	ISO 12091:95 ISO 9969:94	Bộ thiết bị thí nghiệm ống nước(máy kéo nén WD-100, tủ sấy, hóa chất, thước cặp, panme điện tử, thiết bị thử va đập, thiết bị thử áp suất thủy tĩnh và các dụng cụ, thiết bị khác
147	Tác động axit	TCVN 6037:95, ISO3473:75	
148	Độ bền nhiệt	ASTM D1525	
149	Độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004	
150	Kích thước, độ bền kéo, nén, độ bền va đập, độ bền áp lực, độ bền ngắn hạn,, độ căng, giãn dài, thử kéo,, độ ô van, độ chịu nhiệt, độ bền áp suất thủy tĩnh	TCVN 6148:07, TCVN 6149:07, TCVN 7434:04, TCVN 7305:08	

151	Khớp nối PVC: xác định cường độ chịu kéo, độ biến dạng khi ngâm trong dầu	ASTM D 412:13, ASTM D471:10	
152	TẤM THẠCH CAO VÀ PANEL, THẠCH CAO CÓ SỢI GIA CƯỜNG		
153	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon, độ vuông góc cạnh, gờ và lỗ, cường độ chịu uốn, độ kháng nhỏ đinh, độ biến dạng ẩm, độ hút nước, hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi, độ thấm thấu hơi nước, độ hấp thụ bề mặt	TCVN 8257:09, ASTM C473-17, ASTM C471-16a	Bộ thiết bị thí nghiệm(máy kéo uốn WD-100 và phụ kiện, tủ sấy, thước đo độ vuông góc, thước cặp điện tử, hóa chất, thùng tạo ẩm) và các dụng cụ, thiết bị khác
154	RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ, DÂY THÉP BỌC NHỰA		
155	Độ bền chịu kéo, Mô đun đàn hồi, và độ giãn dài	ASTM D412	Bộ thiết bị thí nghiệm(Máy kéo đa năng WD-100, thước cặp điện tử 0.01mm. cân trong nước, máy đo chiều dày mạ, hóa chất) và các dụng cụ, thiết bị khác
156	Đường kính lõi thép	ASTM D792	
157	Tổn thất bay hơi	ASTM D1203	
158	Kích thước dây bọc, dây viền mạ kẽm, kích thước mắt cáo, chiều dày vỏ bọc	BS 1052	
159	Độ cứng dây đai, khối lượng riêng dây đai và vỏ bọc	ASTM D2240, ASTM D792:08	
160	Khả năng mài mòn	ASTM D1242	
161	Ứng suất kéo đứt, độ giãn dài của sợi thép	TCVN 1824:93	
162	Tính dòn ngoài nhiệt độ	BS EN 2782-145A:84, 104a	
163	Khối lượng mạ kẽm, chiều dày lớp mạ	BS EN 10244-2:09	
164	Kích thước mắt cáo, chiều dày vỏ bọc, đường kính dây bọc, đường kính dây viền mạ kẽm, đường kính dây đan mạ kẽm	ASTM A975, BS 1052:80, ASTM A641	
165	SƠN TƯỜNG, SƠN KẾT CẤU XÂY DỰNG		
166	Xác định trạng thái sơn, màng sơn, độ bền nước, bền kiềm	TCVN 8653:12	Bộ thiết bị thí nghiệm sơn(thước đo độ mịn, máy đo độ nhớt, giấy ô bàn cờ đen trắng, dao cắt, thiết bị nhỏ,

			may đo PH và các dụng cụ, thiết bị khác
167	Độ mịn	TCVN 2091:08	
168	Độ nhớt	TCVN 2092:93	
169	Chất không bay hơi	TCVN 2093:93	
170	Độ phủ	TCVN 2095:93	
171	Thời gian khô, độ khô	TCVN 2096:93	
172	Độ bám dính màng	TCVN 2098:93	
173	Màu sắc	TCVN 2102:08	
174	Gia công màng sơn	TCVN 2094:93, TCVN 5670:07..	
175	Độ bám dính	TCVN 2097:15	
176	Độ bền kiềm	TCVN 6934:01, ASTM2248-13	
177	Khối lượng riêng	ASTM D1475:08	
178	Độ PH	ASTM E70:07	
179	MÀNG CHỐNG THẤM		
180	Độ bền thủng, độ bền nhiệt, độ bền kéo đứt, tỷ trọng, độ cứng, độ bền xé rách	TCVN 9067:12, ASTM C836:03, ASTM D412, ASTM D4541, ASTM D624, ASTM C836	Bộ thiết bị thí nghiệm màng(máy đa năng WD-100, cân tỷ trọng) và các dụng cụ, thiết bị khác
181	THỦ CƠ LÝ GỖ, VÁN GỖ		
182	Xác định độ ẩm, độ hút nước, độ dẫn dài, độ co rút thể tích, khối lượng thể tích, độ bền nén, ứng suất kéo, độ bền uốn tĩnh, độ hút ẩm	TCVN 8048:09, tcvn 7756:07	Bộ thiết bị thí nghiệm gỗ và các dụng cụ, thiết bị khác
183	BĂNG CHẶN NƯỚC		
184	Cường độ kháng xé, độ trương nở thể tích, ổn định nhiệt, độ bền hóa chất, khối lượng riêng, độ bền kéo, độ dẫn dài, độ cứng shore A	TCVN 4509:13, TCVN 9407:14, TCVN 1595:13, TCVN 1597:18, TCVN 2229:13, TCVN 4866:13	Bộ thiết bị thí nghiệm cao su và các dụng cụ, thiết bị khác
185	BỘT BẢ TƯỜNG		
186	Độ lưu động, độ mịn, KLTT xốp, độ giữ nước, độ bền nước, độ cứng bề mặt, độ bám dính, thời gian đông kết	TCVN 3121:03, TCVN 4030:03, TCVN 7239:14, TCVN 2098:07, TCVN 9349:12, TCVN 6017:15	Bộ thiết bị thí nghiệm sơn, bả tường và các dụng cụ, thiết bị khác
187	ĐẤT ĐÁ GIA CÔNG BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		
188	Đảm nén tiêu chuẩn, cường độ kháng ép, moddun đàn hồi, cường độ kháng	22TCN 59:84, 22TCN	Bộ thiết bị thí nghiệm đá(Đảm nén Proctor

	kéo,	246:98	tiêu chuẩn, cải tiến, máy nén 2000KN, khung ép, chẻ), bộ thí nghiệm xi măng và các dụng cụ, thiết bị khác
--	------	--------	---

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị:

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Hóa đơn	Giao nhận thiết bị ngày	Ghi chú
1	Máy nén bê tông, máy Los Angelet, tủ sấy.....(công ty TNHH Tư vấn xây dựng Bắc Hà chuyển nhượng)	-	Số 06/HĐKT ngày 22/09/2012	Số 0000087 ngày 21/11/2012	22/09/2012	
2	Máy kéo, uốn thép WE-1000B	01	Số 003/13HĐKT ngày 14/03/2013	Số 0000192 ngày 12/09/2013	07/04/2013	
3	Máy xác định hàm lượng nhựa	01	Số 045 ngày 21/12/2015	Số 0001025 ngày 03/03/2016	Ngày 03/03/2016	
4	Máy CBR/Mashall, LQ-100-TBT, đầm tạo mẫu bê tông nhựa	02	Số 045 ngày 21/12/2015	Số 0001025 ngày 03/03/2016	Ngày 03/03/2016	
5	Máy kéo vải địa kỹ thuật, cao su...đa năng WDW-100, máy kháng bức vải địa NT-B1	02	Số 16/KHKT-2018 ngày 06/08/2018	Số 0000035 ngày 28/08/2018	Ngày 27/08/2018	
6	Kim lún nhựa điện tử TBTZR-5	01	Số 01/HĐMB/ĐD-HLP ngày	Số 0000072 ngày 25/04/2020	Ngày 25/04/2020	
7	Máy hóa mềm nhựa tự động LD-2000	01	Số 01/HĐMB/ĐD-HLP ngày	Số 0000072 ngày 25/04/2020	Ngày 25/04/2020	
8	Thiết bị xác định nhiệt độ bắt lửa nhựa đường TBT-3536	01	Số 01/HĐMB/ĐD-HLP ngày	Số 0000072 ngày 25/04/2020	Ngày 25/04/2020	
9	Máy đo độ kéo dài nhựa SY-1.5	01	Số 01/HĐMB/ĐD-HLP ngày	Số 0000072 ngày 25/04/2020	Ngày 25/04/2020	
10	Thiết bị thí nghiệm Parapin nhựa đường TBT-0615 và phụ kiện(bếp đun,	01	Số 02/HĐMB/ĐD-HLP ngày	Số 0000090 ngày 19/09/2020	Ngày 19/09/2020	

	máy hút chân không)		05/08/2020			
11	Máy nén thủy lực TYA-2000	01	Số 017/19HĐKT	Số 0001371 ngày 02/10/2019	Ngày 02/10/2019	
12	Máy xác định độ chống thấm của bê tông HS-4	01	Số 007/19HĐKT ngày 10/04/2019	Số 0001031	Ngày 24/04/2019	
13	Thiết bị nén ống cống bê tông cốt thép	01	Số 03/HĐMB/ĐD-HLP	Số 00000038 ngày 27/05/2022	Ngày 24/05/2022	
14	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ WH82	01	Số 03/HĐMB/ĐD-HLP	Số 00000038 ngày 27/05/2022	Ngày 24/05/2022	
15	Thước đo bám dính sơn	01	Số 131- 22/HĐKT/ANP HAT	Số 707 ngày 04/11/2022	Ngày 03/11/2022	
16	Dao thử bám dính sơn	01	Số 131- 22/HĐKT/ANP HAT	Số 707 ngày 04/11/2022	Ngày 24/05/2022	
17	Thước đo độ mịn sơn 0-50 micromet	01	Số 131- 22/HĐKT/ANP HAT	Số 707 ngày 04/11/2022	Ngày 24/05/2022	
18	Thước đo độ mịn sơn 0-100 micromet	01	Số 131- 22/HĐKT/ANP HAT	Số 707 ngày 04/11/2022	Ngày 24/05/2022	
19	Bộ đo độ cứng thang Mohs	01	-	Số 0000104 ngày 08/12/2020	Ngày 08/12/2020	
20	Thiết bị đo chiều dày sơn kẻ đường STT-950	01	Số 199HT- DD/HĐKT ngày 04/09/2024	Số 00000207 ngày 15/11/2024	Ngày 25/10/2024	
21	Con lăn Anh BM-3	01	Số 199HT- DD/HĐKT ngày 04/09/2024	Số 00000207 ngày 15/11/2024	Ngày 24/05/2022	
22	Máy đo phản quang sơn kẻ đường LA-302E	01	Số 199HT- DD/HĐKT ngày 04/09/2024	Số 00000207 ngày 15/11/2024	Ngày 24/05/2022	
23	Khung ép thủy lực 50T	01	Số 018/2024/HĐKT /TD	Số 00000265	Ngày 23/09/2024	
24	Máy đo ứng suất bề mặt kính SSM-II	01	Số 29/2025/HĐKT	Số 212 ngày 04/03/2025	Ngày 04/03/2025	

			ngày 26/02/2025		25	
25	Bộ thiết bị thí nghiệm Bentonite	01	-	Số 0001253 ngày 09/8/2019	Ngày 08/09/2019	
26	Kích thủy lực 150KN	01	-	Số 0022950 ngày 23/06/2020	Ngày 23/06/2020	
27	Dụng cụ thử thấm ngang vải địa kỹ thuật	01	-	Số 0000104 ngày 08/12/2022	Ngày 18/12/2020	
28	Dụng cụ thử thấm đứng vải địa kỹ thuật	01	-	Số 0000104 ngày 08/12/2022	Ngày 08/12/2020	
29	Bộ hạt thủy tinh xác định kích thước lỗ biểu kiến vải địa kỹ thuật	01	-	Số 0000104 ngày 08/12/2022	Ngày 08/12/2020	
30	Thiết bị xác định độ chảy vữa	01	-	Số 0000114	Ngày 22/03/2021	
31	Ngàm xác định lực cắt bulong	01	-	Số 0000114	Ngày 22/03/2021	
32	Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn bằng bột từ CJE-12/220	01	Số 04/HĐMB/ĐD-HLP ngày 07/09/2022	Số 00000077 ngày 27/09/2022	Ngày 27/09/2022	
33	Thiết bị đo lực cắt tĩnh bentonite QL	01	Số 04/HĐMB/ĐD-HLP ngày 07/09/2022	Số 00000077 ngày 27/09/2022	Ngày 27/09/2022	
34	Thiết bị đo độ mất nước và độ dày óa sét bentonite ZNS-2A	01	Số 04/HĐMB/ĐD-HLP ngày 07/09/2022	Số 00000077 ngày 27/09/2022	Ngày 27/09/2022	
35	Thiết bị đo độ cứng cao su loại D	01	-	Số 00000040 ngày 10/05/2024	Ngày 10/05/2024	
36	Thiết bị đo độ cứng màng sơn bằng bút chì QHQ-A	01	-	Số 00002553 ngày 28/11/2024	Ngày 28/11/2024	
37	Máy đo độ ẩm gỗ UNI-TUT377A		-	Số 5899 ngày 16/05/2025	Ngày 16/05/2025	
38	Máy so màu/quang phổ màu CHN SPEC DS-210	01	-	Số 00003860	Ngày 20/05/20	

				ngày 20/05/2025	25	
39	Máy đo lực kéo HF-10KN	01	Số 25112023/GIM	Số 00000619 ngày 20/12/2023	Ngày 20/12/20 23	
40	Cân điện tử GS3203, 0.001g VIBRA SHINKO	01	Số 01/2019/HĐKT ngày 10/01/2019	Số 0000025 ngày 16/01/2019	Ngày 16/01/20 19	
41	Máy kéo cáp, thép WES- 1000B	01	Số 121125- HT/HĐKT ngày 12/11/2025	Số 354 ngày 19/11/2025	Ngày 19/11/20 25	
42	Bộ thiết bị thử áp ống HDPE, PVC..	01	1206/TA/HĐKT ngày 07/07/2025	Số 00002012 ngày 07/08/2025	Ngày 07/08/20 25	
43	Kích thủy lực HHYG- 300A	01	-	Số 00002000 ngày 09/10/2024	Ngày 10/10/20 24	
44	Bộ ngàm, giá nhỏ thép, bu long hiện trường		-	Số 00002017 ngày 10/10/2024	Ngày 10/10/20 24	
45	Thiết bị thử va đập kính kiểu bi rơi	1	Số 153- 22?HĐKT/ANP HAT ngày 29/12/2022	Số 26 ngày 31/01/2023	Ngày 31/01/20 23	
46	Thiết bị thử va đập kính kiểu con lắc	1	Số 153- 22?HĐKT/ANP HAT ngày 29/12/2022	Số 26 ngày 31/01/2023	Ngày 31/01/20 23	
47	Sàng D300: 2.0, 1.7, 1.4, 1.18, 1.0, 0.85, 0.71, 0.6, 0.5, 0.425, 0.355, 0.3, 0.25, 0.212, 0.18, 0.15, 0.125, 0.106, 0.09, 0.075	20	Số 16/KHKT- 2018 ngày 06/08/2018	Số 0000035 ngày 28/08/2018	Ngày 27/08/20 18	

2.3 Danh mục hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy hiệu chuẩn/ kiểm định	Ngày hiệu chuẩn/ kiểm định	Ghi chú
1	Máy kéo, uốn thép WE-1000B	546.01L/1025	13/10/2025	Hiệu chuẩn

2	Máy kéo cáp, thép WES-1000B	704.01L/1225	27/12/2025	Hiệu chuẩn
3	Máy nén thủy lực TYA-2000	546.25L/02	13/10/2025	Hiệu chuẩn
4	Máy CBR/Mashall, LQ-100-TBT, đầm tạo mẫu bê tông nhựa	704.03L/1225	27/12/2025	Hiệu chuẩn
5	Máy kéo vải địa kỹ thuật, cao su...đa năng WDW-100, máy kháng bức vải địa NT-B1	683.01L/1225	17/12/2025	Hiệu chuẩn
6	Kim lún nhựa điện tử TBTZR-5	014.26D/02	09/01/2026	Hiệu chuẩn
7	Máy hóa mềm nhựa tự động LD-2000	014.26D/03	09/01/2026	Hiệu chuẩn
8	Thiết bị xác định nhiệt độ bắt lửa nhựa đường TBT-3536	014.26D/03	09/01/2026	Hiệu chuẩn
9	Máy đo độ kéo dài nhựa SY-1.5	014.26D/04	09/01/2026	Hiệu chuẩn
10	Thiết bị thí nghiệm Parapin nhựa đường TBT-0615 và phụ kiện(bếp đun, máy hút chân không)	014.26D/06	09/01/2026	Hiệu chuẩn
11	Lò nung TBT-0615-1	014.26D/05	09/01/2026	Hiệu chuẩn
12	Nhiệt kế điện tử HDT-1	014.26N/01	09/01/2026	Hiệu chuẩn
13	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ WH82	N204.25/01	26/10/2025	Hiệu chuẩn
14	Máy siêu âm khuyết tật mối hàn CJE-12/220	1108.25/01	24/11/2025	Hiệu chuẩn
15	Máy thử nén TYE-2000	546.25L/02	13/10/2025	Hiệu chuẩn
16	Áp kế điện tử(2025-08-06-4-1)	65A 11151	24/09/2025	Hiệu chuẩn
17	Máy đo điện trở tiếp đất KEW 4105A	65A 10130	30/04/2025	Hiệu chuẩn
18	Cân điện tử GS3203, 0.001g VIBRA SHINKO	221.26K/02	20/04/2026	Hiệu chuẩn
19	Cân đĩa 3S/WEWSU-3	704.25K/05	27/12/2025	Hiệu chuẩn
20	Cân đĩa 3S/WEWSU-3	221.26K/01	20/04/2026	Hiệu chuẩn
21	Cân kỹ thuật FH-602A	04.03485	10/04/2026	Hiệu chuẩn

22	Cân đĩa TPS-15C	704.25K/06	27/12/2025	Hiệu chuẩn
23	Máy nén thủy lực TYA-2000	704.25L/02	27/12/2025	Hiệu chuẩn
24	Đồng hồ SO, No2046	683.25D/03	17/12/2025	Hiệu chuẩn
25	Đồng hồ SO, JLD202401054	683.25D/04	17/12/2025	Hiệu chuẩn
26	Thước cặp (2024189)	683.25D/05	17/12/2025	Hiệu chuẩn
27	Tủ sấy 101-2	704.25L/04	27/12/2025	Hiệu chuẩn
28	Kích thủy lực và đồng hồ áp suất(2623)	683.25L/02A	17/12/2025	Hiệu chuẩn
29	Lưới sàng D300, 0.075	014.26D/20	09/01/2026	Hiệu chuẩn
30	Lưới sàng D300, 0.09	014.26D/07	09/01/2026	Hiệu chuẩn
31	Lưới sàng D300, 0.15	014.26D/08	09/01/2026	Hiệu chuẩn
32	Lưới sàng D300, 0.3	014.26D/08	09/01/2026	Hiệu chuẩn
33	Lưới sàng D300, 0.6	014.26D/08	09/01/2026	Hiệu chuẩn
34	Lưới sàng D300, 0.14	014.26D/12	09/01/2026	Hiệu chuẩn
35	Lưới sàng D300, 0.315	014.26D/13	09/01/2026	Hiệu chuẩn
36	Lưới sàng D300, 0.63	014.26D/14	09/01/2026	Hiệu chuẩn
37	Lưới sàng D300, 1.25	014.26D/15	09/01/2026	Hiệu chuẩn
38	Lưới sàng D300, 2.5	014.26D/16	09/01/2026	Hiệu chuẩn
39	Lưới sàng D300, 5.0	014.26D/17	09/01/2026	Hiệu chuẩn
40	Lưới sàng D300, 12.5	014.26D/18	09/01/2026	Hiệu chuẩn
41	Lưới sàng D300, 16	014.26D/19	09/01/2026	Hiệu chuẩn
42	Lưới sàng D300, 0.425	014.26D/21	09/01/2026	Hiệu chuẩn
43	Lưới sàng D300, 2.36	014.26D/22	09/01/2026	Hiệu chuẩn
44	Lưới sàng D300, 4.75	014.26D/23	09/01/2026	Hiệu chuẩn
45	Lưới sàng D300, 9.5	014.26D/24	09/01/2026	Hiệu chuẩn
46	Lưới sàng D300, 19	014.26D/25	09/01/2026	Hiệu chuẩn

47	Lưới sàng D300, 25	014.26D/26	09/01/2026	Hiệu chuẩn
48	Lưới sàng D300, 37.5	014.26D/27	09/01/2026	Hiệu chuẩn
49	Lưới sàng D300, 10	014.26D/28	09/01/2026	Hiệu chuẩn
50	Lưới sàng D300, 20	014.26D/29	09/01/2026	Hiệu chuẩn
51	Lưới sàng D300, 40	014.26D/30	09/01/2026	Hiệu chuẩn
52	Lưới sàng D300, 50	014.26D/31	09/01/2026	Hiệu chuẩn
53	Lưới sàng D300, 63	014.26D/32	09/01/2026	Hiệu chuẩn
54	Kích thủy lực HHYG-300A	226.26L/01A	22/04/2026	Hiệu chuẩn

IV. Thông tin cán bộ quản lý, thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Dương Văn Hải	1968	+ Kỹ sư Mỏ - Địa chất + Số 168/2000/VKH-TNXD ngày 17/07/2000, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của Bê tông và vật liệu xây dựng + Số 130/2000/VKH-TNXD ngày 04/07/2000, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của kim loại + Số 201613022/VKH ngày 22/06/2016, Viện Khoa học Công nghệ về đầu tư xây dựng cấp về thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch block bê tông + Số 2356- 2017 ngày 27/12/2017, Học Viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị cấp về tập huấn Tiêu chuẩn quốc gia ISO/IEC 17025:2007.	Giám đốc	
2	Nguyễn Trí Tuệ	1973	+ Kỹ sư Giao thông + Số 1808-00015B/VND-QL. Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng cấp về	Trưởng phòng thí nghiệm	

			Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng + Số 115/2003/VKH-TNXD, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp về Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp Không phá hủy + Số 152/2003/VKH-TNXD, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng.		
3	Nguyễn Hồng Điệp	1968	+ Đại học + Số 41/TNV-VKH/1999 ngày 26/6/1999, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của cơ lý kim loại. + Số 23/TNV-VKH/1999 ngày 22/6/1999, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của Vật liệu xây dựng + QĐ 02-55/2011/TNV ngày 09/08/2011 Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Hà Nội cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	
4	Trần Minh Sang	1990	+ Cao đẳng nghề + Số 201702087/VKHHCN ngày 26/01/2017, Viện Khoa học Công nghệ về đầu tư xây dựng cấp về Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông. + Số 160212/VKHHCN ngày 18/12/2015, Viện Khoa học Công nghệ về đầu tư xây dựng cấp về Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của vật liệu Kim loại và vật liệu hàn. + Số 8518-A4153B/VND-TNV ngày 22/05/2022, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới cấp về Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng mỗi hàn bằng phương	Thí nghiệm viên	

			pháp siêu âm. + Số 5E029. ngày 30/05/2020, Viện nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng + Số 002/QĐ.96.2024. VLXD ngày 03/05/2024, Viện Vật liệu Xây dựng cấp chứng chỉ đào tạo đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm, kiểm định sản phẩm sơn, vữa, thạch cao, tấm xi măng sợi, ván gỗ nhân tạo		
5	Hoàng Văn Dũng	1972	+ Đại học + Số 2941-A0072B/VNĐ-TNV ngày 29/4/2019, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới cấp về Thí nghiệm viên phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên	
6	Nguyễn Thị Hoàng Anh	1978	+ Trung cấp xây dựng + Số 8515-A4150B/VNĐ-TNV ngày 22/05/2022, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới cấp về Thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng + Số 015/QĐ.97.2024.VLXD, ngày 03/05/2024, Viện Vật liệu xây dựng cấp về Thí nghiệm, kiểm định sản phẩm kính xây dựng, gạch gốm ốp lát, sứ vệ sinh	Thí nghiệm viên	
7	Nguyễn Minh Bảo	1983	+ Kỹ sư xây dựng + Số 003/QĐ.98.2024.VLXD, ngày 03/05/2024, Viện Vật liệu xây dựng cấp về Thí nghiệm, kiểm định ống và phụ tùng cấp và thoát nước bằng chất dẻo	Thí nghiệm viên	

8	Trần Văn Sơn	1982	+ Kỹ sư xây dựng + Số 9679/2011/VKH-TNXD, Viện KHCN xây dựng cấp về Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy + Số 5500/ĐT269.06, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 cấp về Thử nghiệm chất lượng nền và mặt đường tại hiện trường	Thí nghiệm viên	
---	--------------	------	--	-----------------	--

Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Đông Dương cam kết đã cung cấp đầy đủ thông tin và chịu trách nhiệm pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ tài liệu đã công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC



ĐƯƠNG VĂN HẢI